

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
Số: 05/2022/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Q, ngày 20 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

*Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021.*

### XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### **I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn: Ngân hàng TM TNHH MTV D;*

*Địa chỉ: Số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Huy T**, chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Tổng Thị L**, Giám đốc PGD N. (Theo Giấy uỷ quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng D); Người được uỷ quyền lại: Ông **Vũ Danh T**, chức danh: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng D (Theo Giấy uỷ quyền số 38/2021/UQ-GD ngày 18 tháng 10 năm 2021 của bà Tổng Thị L).*

*Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Đình Q**, sinh năm 1973;
2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 2002;
2. Cháu **Nguyễn Hoài T**, sinh năm 2007.

Đại diện theo pháp luật của chị T là ông Q, bà T.

Đều có HKTT và nơi ở: Thôn D, xã Đ, huyện Q, TP Hà Nội, đều có mặt.

## **II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:**

**1/- Ngân hàng TM TNHH MTV D và ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thị T đều xác nhận** đã ký hợp đồng là Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản cá nhân số 0028/2015/NCT/HĐTC ngày 06/04/2015 giữa Ngân hàng TM TNHH MTV D và ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T.

Tính đến ngày 18/10/2021, dư nợ của ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T tại Ngân hàng D với tổng số tiền là: **375.762.322 đồng** (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn: **204.033.840 đồng** (*Hai trăm linh bốn triệu không trăm ba mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: **171.728.482 đồng** (*Một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*).

## **2/-Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:**

Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T thống nhất với Ngân hàng trả nợ toàn bộ số tiền trên trong thời hạn 12 tháng, chia làm 12 kỳ, bắt đầu tính từ ngày 30/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/12/2022, cụ thể như sau:

Kỳ 1: Chậm nhất vào ngày 30/01/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 2: Chậm nhất vào ngày 28/02/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 3: Chậm nhất vào ngày 30/03/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 4: Chậm nhất vào ngày 30/04/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 5: Chậm nhất vào ngày 30/05/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 6: Chậm nhất vào ngày 30/06/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 7: Chậm nhất vào ngày 30/07/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 8: Chậm nhất vào ngày 30/08/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 9: Chậm nhất vào ngày 30/09/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 10: Chậm nhất vào ngày 30/10/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 11: Chậm nhất vào ngày 30/11/2022, ông Q và bà T trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Kỳ 12: Chậm nhất vào ngày 30/12/2022, ông Q và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

Số tiền nộp hàng tháng được ưu tiên tính vào gốc. Sau khi thanh toán hết toàn bộ số gốc, ông Q và bà T có đơn xin miễn, giảm lãi thì ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm lãi cho ông Q, bà T theo quy định của ngân hàng.

Hai bên thoả thuận kể từ khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên (về thời gian và số tiền) thì Ngân hàng TM TNHH MTV D có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản Công chứng số: 018553/2013, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 12/4/2013 tại Văn phòng Công chứng H và phụ lục hợp đồng Công chứng ngày 11/04/2014.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T tại Ngân hàng TM TNHH MTV D là: *Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 92.1, số tờ bản đồ 15, diện tích 82 m<sup>2</sup> tại thôn D, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BK 749196, số vào sổ cấp GCN CH 2492 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 06/02/2013 cho ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T.*

Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T, hiện gia đình ông Q, bà T vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

**3/- Trong khoảng thời gian** ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán hết cho Ngân hàng TM TNHH MTV D toàn bộ số nợ thì ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi Ngân hàng TM TNHH MTV D thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

**4/- Kể từ ngày 19/10/2021** ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản cá nhân số 0028/2015/NCT/HĐTC ngày 06/04/2015 đối với khoản dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ;

**5/- Về án phí:** Ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị T chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 9.395.000 đồng (*Chín triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Ngân hàng TM TNHH MTV D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng số tiền 9.395.000 đồng (*Chín triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002044 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

**6/- Về chi phí tổ tụng:** Ngân hàng TM TNHH MTV D chịu toàn bộ chi phí tổ tụng.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Thanh**